

Số: 1151/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn Quyết định số 1103/QĐ-ĐN5 ngày 27/7/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp của Tổ Thẩm định ngày 04/8/2026;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại Tờ trình ngày 03/8/2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026 với các nội dung chính như sau:

- Tên nhà cung cấp: Công ty TNHH môi trường Cao Gia Quý. Địa chỉ: Ấp Phước Tân, xã Đồng Tâm, Thành phố Đồng Nai.

- Giá gói cung cấp:

+ **Giá trị chi phí xử lý chất thải: 37.622.730 đồng (Bằng chữ: Ba mươi**

bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng). Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, chi phí xử lý, thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục đính kèm.

+ **Giá trị thu mua thanh toán theo khối lượng dự kiến sau xử lý: 92.845.021 đồng** (*Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi một đồng*). Giá đã bao gồm các chi phí thu gom, chi phí vận chuyển, thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục đính kèm.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Quyết định này làm cơ sở để các bên ký kết hợp đồng và thực hiện các công việc liên quan.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và đơn vị được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các PGĐ, KTT (e – copy);
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, P(02).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN

Thu gom, vận chuyển, xử lý và thu mua sản phẩm thu hồi sau xử lý chất thải nguy hại năm 2026.

(Kèm theo QĐ số 1151/QĐ-ĐN5 ngày 04/8/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV)

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng (kg)	Giá trị xử lý		Khối lượng thu hồi dự kiến	Giá trị thu hồi		Ghi chú
				Đơn giá xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bán sau xử lý (đồng)	Thành tiền (đồng)	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	kg	13.701,05	2.407,41	32.984.009	10.960,84	7.037,04	77.131.837	<i>Giá trị thu hồi tạm tính tối thiểu 80%</i>
2	Vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ	phuy	80	23.148,15	1.851.852	80,00	90.909,09	7.272.727	<i>Thu hồi 100%</i>
	Tổng giá trị trước thuế				34.835.861			84.404.564	
	Thuế GTGT 8% (xử lý)				2.786.869				
	Thuế GTGT 10% (bán sản phẩm)							8.440.457	
	Tổng giá trị sau thuế				37.622.730			92.845.021	